

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024



Mục lục

Phần I – Báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh 2023	3
I. Thực hiện chỉ tiêu kinh doanh 2023	3
1. Kết quả kinh doanh hợp nhất Tập đoàn năm 2023	3
2. Kết quả kinh doanh theo từng khối	5
3. Hoạt động quản trị	7
4. Hoạt động đầu tư	7
5. Tổ chức và nhân sự	7
II. Tình hình tài chính	8
1. Tài sản & Nguồn vốn	8
2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	9
3. Giải trình ý kiến kiểm toán	9
Phần II – Kế hoạch kinh doanh năm 2024	10
I. Định hướng chiến lược	10
1. Mục tiêu vị thế tập đoàn tới năm 2028	10
2. Mục tiêu chiến lược các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi	10
3. 20 sáng kiến chiến lược cho thị trường nội địa và nước ngoài theo tư vấn McKinsey	11
II. Kế hoạch kinh doanh 2024	12
1. Tình hình kinh tế vĩ mô 2024	12
2. Kế hoạch tài chính 2024 hợp nhất	13
3. Kế hoạch đầu tư	14
4. Kế hoạch nhân sự	14



Phần I – Báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh 2023

I. Thực hiện chỉ tiêu kinh doanh 2023

1. Kết quả kinh doanh hợp nhất Tập đoàn năm 2023

Dvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH. 2023	TH. 2022	Năm 2023 (Kế hoạch mục tiêu/ Target)	Năm 2023 (Kế hoạch cơ sở/ Baseline)	% Tăng trưởng	% Kế hoạch Mục tiêu/ Target	% Kế hoạch Cơ sở/ Baseline
1	Doanh thu thuần	8.059.187	8.364.645	10.205.329	9.674.549	-4%	79%	83%
	<i>Trong đó: Doanh thu thuần hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)</i>	7.341.773	7.663.640	9.249.250	8.846.166	-4%	79%	83%
2	Lợi nhuận trước Lãi vay, Thuế và Khấu hao phân bổ (EBITDA)	962.766	888.340	1.125.699	1.040.795	8%	86%	93%
3	Lợi nhuận trước thuế	548.287	461.634	572.980	550.925	19%	96%	100%
	<i>Trong đó: Lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)</i>	461.188	402.166	484.672	462.618	15%	95%	100%
4	Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo hợp nhất	401.878	355.089	428.117	407.705	13%	94%	99%

❖ Doanh thu thuần lũy kế đạt 8.059 tỷ, giảm 4% so với cùng kì, đạt lần lượt 79% và 83% kế hoạch Mục tiêu và cơ sở năm 2023. Tuy nhiên các chỉ tiêu lợi nhuận đều có sự tăng trưởng. Cụ thể: năm 2023 EBITDA đạt 963 tỷ đồng, tăng trưởng 8% so với cùng kì và hoàn thành lần lượt 86% và 93% kế hoạch mục tiêu và cơ sở năm 2023. Lợi nhuận trước thuế đạt 548 tỷ, tăng 19% so với cùng kỳ và hoàn thành 96% và 100% kế hoạch mục tiêu và cơ sở.

❖ Trong đó: Khối hạ tầng số có kết quả tăng trưởng tốt nhất: Doanh thu 2023 đạt 2.956 tỷ, tăng 9% so với cùng kỳ và hoàn thành lần lượt 90% và 95% kế hoạch mục tiêu và cơ sở, lợi nhuận tăng 22% so với cùng kỳ và hoàn thành lần lượt 99% và 102% kế hoạch mục tiêu và cơ sở. Các khối còn lại tuy doanh thu có sụt giảm so với cùng kỳ, tuy nhiên lợi nhuận của các khối đều tăng trưởng tốt: Khối công nghệ và giải pháp tăng 37%, Khối kinh doanh quốc tế tăng 30%. Trong bối cảnh khó khăn về môi trường kinh doanh, chúng tôi đánh giá đây là kết quả tốt của Tập đoàn và các khối kinh doanh trong năm 2023.

❖ Về hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư, Công ty đã đạt một số thành tựu nổi bật:

• Khối Công nghệ và Giải pháp

- Năm 2023 CMC TS đã chủ động cắt giảm các nhóm sản phẩm có margin lợi nhuận thấp và tập trung vào các nhóm có margin cao, theo đó doanh thu mảng SI đóng góp 74% doanh thu toàn CTS giảm 13% so với năm 2022 nhưng biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 8,8% lên 10,2% kéo



Website



Facebook



LinkedIn

theo tổng lợi nhuận trước thuế tăng 4,3% so với cùng kỳ; Doanh thu DX/CX đạt 105 tỷ, tăng 3% so với cùng kỳ, SW đạt 56 tỷ, tăng 74% so với cùng kỳ, Data Analytics đạt 26 tỷ, tăng trưởng 175%

- CMC TS trong Top 10 công ty công nghệ cung cấp dịch vụ, giải pháp phần mềm và tích hợp hệ thống uy tín năm 2023 theo xếp hạng của Vietnam Report, Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC (CMC TS) cũng được vinh danh ở vị trí thứ 5. Phần mềm Quản lý hồ sơ công chứng C-Notary được vinh danh Top 10 giải thưởng Make in Vietnam 2023
- Năm 2023 cũng là năm đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ về hợp lực, hợp nhất mô hình One CTS trên các mặt quản trị, công nghệ, tạo bước đột phá cho các chiến lược. CMC TS tiếp tục khẳng định là khối chiến lược dẫn đầu của Tập đoàn CMC trong việc cung cấp các giải pháp, dịch vụ tổng thể về CNTT.

• Khối Hạ tầng số

- Doanh thu theo các sản phẩm/dịch vụ chiến lược tăng trưởng tốt, trong đó: Data center tăng 28%; CMC Cloud tăng 28%; Multi Cloud tăng 19%; Connectivity tăng 2% so với thực hiện năm trước.
- CMC Telecom vinh dự là đại diện Việt Nam duy nhất đạt 2 giải của TelecomAseanAward 2023 là Hạ tầng sáng tạo của năm và Cloud sáng tạo của năm. CMC Cloud cũng đã xuất sắc đạt giải Bạc tại Giải thưởng Make in Việt Nam 2023 tại hạng mục Kinh tế số.
- Nằm trong khối Hạ tầng số, Công ty CMC Cyber Security đã tạo được chỗ đứng trên thị trường là một minh chứng rõ nhất cho những di sản số công ty đang đóng góp vào bức tranh chung của tập đoàn. CMC Cyber Security đã chứng minh được chất lượng sản phẩm dịch vụ hàng đầu, thể hiện năng lực của đội ngũ chuyên gia bảo mật đầu ngành, thành công ghi tên mình vào danh sách Top 10 doanh nghiệp bảo mật, an toàn thông tin Việt Nam năm 2023.

• Khối Kinh doanh quốc tế

- Năm 2023, Doanh thu các thị trường đều có sự tăng trưởng: thị trường EU tăng trưởng 29%, Thị trường CJP tăng trưởng 4%, Thị trường GKR tăng 3%, Thị trường GUS tăng 596%.
- Có hơn 500 đối tác, khách hàng từ các thị trường quốc tế, trong đó nhiều doanh nghiệp, tập đoàn thuộc danh sách Forbes 500.
- Năm 2023, CMC Global vinh dự nhận giải thưởng Sao khuê, xếp hạng 5 sao cho hạng mục lĩnh vực Xuất khẩu phần mềm, đánh dấu năm thứ tư liên tiếp CMC Global được xướng tên tại lễ trao giải danh giá này.
- Tại giải thưởng Make in Việt Nam 2023, Dịch vụ Robotics Processing Automation của CMC Global đã được vinh danh Top 10 Sản phẩm công nghệ số xuất sắc cho thị trường nước ngoài.

• Khối Nghiên cứu và Giáo dục

- Năm 2023, Trường Đại học CMC đã đạt kết quả tuyển sinh ấn tượng với 1.000 sinh viên Khóa 2, tăng 174% so với năm 2022 và tổng quy mô đào tạo 1300 sinh viên.



- Quy mô đào tạo tăng trưởng tương đồng với quy mô tuyển sinh của nhà trường. Trường có các ngành đào tạo (Công nghệ thông tin, Công nghệ thông tin Việt – Hàn, Công nghệ thông tin Việt – Nhật, Khoa học máy tính, Công nghệ kỹ thuật Điện tử Viễn Thông, Quản trị kinh doanh, Marketing, Thiết kế đồ họa, Ngôn ngữ nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc).
- Tỷ lệ đạt môn trung bình của toàn trường trong năm 2023 đạt trên 83%
- Hoàn thành việc rà soát 6 chương trình đào tạo theo định hướng các tiêu chuẩn quốc tế ABET, ACBSP và AUN-QA.
- Năm 2023, Trường tiếp tục duy trì đầu tư và phát triển đại học số: Hoàn thành và nghiệm thu hệ thống: SF4C (HR), Intranet Portal, Quản lý tài sản, hoạt động đào tạo, Triển khai các phần mềm phục vụ giảng dạy, đào tạo: phần mềm Quản lý đào tạo, cổng thông tin sinh viên, Cổng từ mượn trả tự động.
- Năm 2023, Viện CMC ATI nhận loạt giải thưởng danh giá về ứng dụng trí tuệ nhân tạo: Giải pháp nhận diện khuôn mặt FACEID CIVAMS lọt vào top 12 thế giới và đứng top 1 Việt Nam trong 560 sản phẩm của top thế giới theo công bố mới nhất của Viện Tiêu chuẩn và Công nghệ quốc gia của Hoa Kỳ (NIST); Top 12 Giải pháp đổi mới sáng tạo Việt Nam: Giải thưởng chuyển dịch tương lai (Future Evolution Award) tại Chương trình Thách thức Đổi mới sáng tạo Việt Nam (Vietnam Innovation Challenge - VIC) với giải pháp Phân tích và Quản lý hình ảnh thông minh CIVAMS; “Cú đúp” giải nhất trong tổng số 4 lĩnh vực tại Cuộc thi SolCT Hackathon 2023. Sản phẩm đạt giải là C-OCR (số hóa văn bản) và Speech to text (chuyển giọng nói sang văn bản).
- Hiện tại, Viện ATI có 20 sản phẩm công nghệ cốt lõi và được chia thành các nhóm công nghệ như sau: AI-BigData (C-VOICE, C-OCR, C-Chatbot,...); IoT/Smart-Devices (CIVAMS.FACE, CIVAMS.TRAFFIC, CIVAMS.SECURITY,...); Blockchain/Security (C-Remote Signing, C-Meet, C-Cert.MS,...); IC Design (AI Box, AI Camera).

2. Kết quả kinh doanh theo từng khối

❖ Doanh thu theo từng khối

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH. 2023	TH. 2022	Năm 2023 (Kế hoạch mục tiêu/ Target)	Năm 2023 (Kế hoạch cơ sở/ Baseline)	% Tăng trường	% Kế hoạch Mục tiêu/ Target	% Kế hoạch Cơ sở/ Baseline
1	Khối Công nghệ & Giải pháp	3.357.045	3.779.751	4.481.673	4.248.020	-11%	75%	79%
2	Khối Kinh doanh quốc tế	1.269.793	1.357.065	1.803.642	1.743.642	-6%	70%	73%
3	Khối Hạ tầng số	2.956.021	2.704.491	3.286.390	3.100.983	9%	90%	95%
4	Khối Nghiên cứu & Giáo dục	35.080	7.878	48.971	48.971	345%	72%	72%
5	Khối kinh doanh khác	441.248	515.461	584.654	532.934	-14%	75%	83%
	Tổng	8.059.187	8.364.645	10.205.329	9.674.549	-4%	79%	83%
	<i>Loại trừ hợp nhất các đơn vị liên doanh, liên kết và nội bộ</i>	<i>(717.414)</i>	<i>(701.005)</i>	<i>(956.079)</i>	<i>(828.383)</i>	<i>-2%</i>	<i>125%</i>	<i>113%</i>
	Kết quả hợp nhất (*)	7.341.773	7.663.640	9.249.250	8.846.166	-4%	79%	83%



(*) Là Doanh thu thuần hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)

❖ Lợi nhuận theo từng khối

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH. 2023	TH. 2022	Năm 2023 (Kế hoạch mục tiêu/ Target)	Năm 2023 (Kế hoạch cơ sở/ Baseline)	% Tăng trưởng	% Kế hoạch Mục tiêu/ Target	% Kế hoạch Cơ sở/ Baseline
1	Khối Công nghệ & Giải pháp	59.399	43.216	80.769	69.015	37%	74%	86%
2	Khối Kinh doanh quốc tế	187.006	143.435	207.797	203.797	30%	90%	92%
3	Khối Hạ tầng số	339.426	279.215	341.712	332.249	22%	99%	102%
4	Khối Nghiên cứu & Giáo dục	(45.532)	(47.269)	(70.227)	(70.227)	4%	135%	135%
5	Khối kinh doanh khác	7.988	43.038	12.928	16.091	-81%	62%	50%
	Tổng	548.287	461.634	572.980	550.925	19%	96%	100%
	<i>Loại trừ hợp nhất các đơn vị liên doanh, liên kết và nội bộ</i>	<i>(87.099)</i>	<i>(59.468)</i>	<i>(88.308)</i>	<i>(88.308)</i>	<i>-46%</i>	<i>101%</i>	<i>101%</i>
	Kết quả hợp nhất (*)	461.188	402.166	484.672	462.618	15%	95%	100%

(*) Là Lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)

❖ Về kết quả kinh doanh, Tập đoàn đã đạt những kết quả nổi bật sau:

• Khối Công nghệ và Giải pháp

- Kết quả kinh doanh: Doanh thu lũy kế cả năm 2023 giảm 11% so với cùng kỳ do Khối Công nghệ và giải pháp chủ trương dịch chuyển doanh thu theo hướng tăng tỷ trọng doanh thu dịch vụ, chủ động từ chối một số hợp đồng có doanh thu hàng hóa nhưng rủi ro cao. Cùng với đó đơn vị thực hiện tối ưu hóa các chi phí dẫn đến lợi nhuận của khối tăng 37%.
- Các khối thị trường có đóng góp vào kết quả kinh doanh của đơn vị
 - BFSI_HN: Doanh thu tăng 26% và lợi nhuận tăng 32% và hoàn thành 101% kế hoạch năm.
 - ENT_SG: Doanh thu tuy giảm 22% nhưng lợi nhuận tăng 22% so với cùng kỳ và hoàn thành 102% kế hoạch năm.
 - SME_SG: Doanh thu giảm 10% nhưng lợi nhuận tăng 13% so với cùng kỳ và hoàn thành 118% kế hoạch năm.
 - ITS_HN: Doanh thu tăng 34% và lợi nhuận trước thuế cũng tăng 77% so với cùng kỳ và hoàn thành 144% kế hoạch năm.

• Khối Kinh doanh quốc tế:

- Kết quả kinh doanh toàn khối: Doanh thu lũy kế cả năm 2023 giảm 6% so với cùng kỳ do nền kinh tế, thị trường thế giới chịu ảnh hưởng suy giảm từ đầu năm, các khách hàng lớn đều có xu hướng cắt giảm budget công nghệ. Tuy nhiên đơn vị đã tối ưu chi phí dẫn đến lợi nhuận của khối tăng 30% so với cùng kỳ và hoàn thành 92% kế hoạch năm.
- Một số thị trường mới có kết quả kinh doanh tốt:



- Khối CJP: Doanh thu tăng 4% so với cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế tăng 97% so với cùng kỳ.
- Khối GEU: Doanh thu tăng 29% so với cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế tăng 503% so với cùng kỳ và hoàn thành 106% kế hoạch năm.
- Khối GUS: Doanh thu tăng 596% so cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế cũng tăng 24% so với cùng kỳ.

• **Khối Hạ tầng số:**

- Kết quả kinh doanh toàn khối: Doanh thu lũy kế cả năm 2023 tăng trưởng 9% so với cùng kì và hoàn thành lần lượt 90% và 95% kế hoạch mục tiêu và kế hoạch cơ sở. Lợi nhuận của khối tăng 22% so với cùng kỳ và hoàn thành lần lượt 99% và 102% kế hoạch mục tiêu và kế hoạch cơ sở
- Các khối có kết quả kinh doanh tốt.
 - Khối BFSI: Doanh thu tăng 27% so với cùng kỳ và hoàn thành 106% kế hoạch
 - Khối GSP: Doanh thu tăng trưởng 10% so với cùng kỳ và hoàn thành 91% kế hoạch.
 - Doanh thu theo dịch vụ tăng trưởng tốt: ILL tăng trưởng 15,6%; IDC tăng trưởng 28%; Multi Cloud tăng trưởng 18,9%; SMS tăng trưởng 32,5%

• **Khối giáo dục và nghiên cứu**

- Kết quả kinh doanh toàn khối: Doanh thu và chi phí kiểm soát tốt trong kế hoạch ngân sách.

3. Hoạt động quản trị

- Triển khai thành công chương trình ESOP
- Triển khai các dự án chuyển đổi số nội bộ gồm các hệ thống tài chính, nhân sự với quy mô toàn tập đoàn.
- Tổ chức cơ cấu lại các ban chuyên môn và nhân sự tập đoàn

4. Hoạt động đầu tư

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH. 2023	TH. 2022	Năm 2023 (Kế hoạch mục tiêu/ Target)	Năm 2023 (Kế hoạch cơ sở/ Baseline)	% Tăng trưởng	% Kế hoạch Mục tiêu/ Target	% Kế hoạch Cơ sở/ Baseline
1	Khối Công nghệ & Giải pháp	2.891	39.834	10.026	8.237	-93%	29%	35%
2	Khối Kinh doanh quốc tế	23.718	88.946	129.487	129.487	-73%	18%	18%
3	Khối Hạ tầng số	333.468	243.531	501.507	419.507	37%	66%	79%
4	Khối Nghiên cứu & Giáo dục	38.450	27.260	48.906	48.906	41%	79%	79%
5	Khối kinh doanh khác	624.174	115.629	1.270.579	1.245.579	440%	49%	50%
	Tổng	1.022.701	515.200	1.960.505	1.851.716	99%	52%	55%

- ❖ **Khối Công nghệ & Giải pháp:** Tình hình kinh doanh không đạt kỳ vọng nên Kế hoạch đầu tư không đạt, một số hạng mục đầu tư chuyển sang 2024.



- ❖ **Khối kinh doanh quốc tế:** Chuyển một số hạng mục lớn sang 2024. Trong năm 2023, nhu cầu giảm do kinh doanh và thị trường không được như kỳ vọng nên đầu tư CAPEX không đạt kế hoạch (fitting out văn phòng, mua laptop, máy tính... phát sinh theo số lượng nhân sự, tuy nhiên trong năm 2023 nhân sự của Khối kinh doanh quốc tế không tăng như kế hoạch
- ❖ **Khối Hạ Tầng số:** Trong năm 2023 việc đầu tư cáp quang biển quốc tế xin hoãn sang năm 2024 do chưa có nhu cầu về dung lượng quốc tế.
- ❖ **Khối Nghiên cứu & Giáo dục:** Tiến độ dự án Tây mỗ lùi lại so với kế hoạch dẫn đến các khoản chi phí chi phí đầu tư xây dựng (ép cọc, đấu nối, thân thô,...) chưa thực hiện năm 2023

5. Tổ chức và nhân sự

Tính đến 31/3/2024, quy mô nhân sự của Tập đoàn đạt 4654 người, nguồn nhân lực giảm 14% so với thời điểm 31/3/2023 do việc chủ động điều chỉnh kế hoạch nhân sự phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đvt: người

TT	Chỉ tiêu	TH. 2023	TH. 2022	Năm 2023 (Kế hoạch mục tiêu/ Target)	Năm 2023 (Kế hoạch cơ sở/ Baseline)	% Tăng trường	% Kế hoạch Mục tiêu/ Target	% Kế hoạch Cơ sở/ Baseline
1	Khối Công nghệ & Giải pháp	797	782	793	775	2%	101%	103%
2	Khối Kinh doanh quốc tế	2.215	3.039	4.154	3.647	-27%	53%	61%
3	Khối Hạ tầng số	1.372	1.304	1.439	1.381	5%	95%	99%
4	Khối Nghiên cứu & Giáo dục	157	130	171	171	21%	92%	92%
5	Khối kinh doanh khác (*)	113	157	174	174	-28%	65%	65%
	Tổng	4.654	5.412	6.731	6.148	-14%	69%	76%

(*) Nhân sự khối khác giảm mạnh do trong năm Tập đoàn đã thoái vốn vào Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC (CMS)

II. Tình hình tài chính

1. Tài sản & Nguồn vốn

	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Tăng/Giảm
1	Tài sản	6.853.773	6.561.871	4%
	Ngắn hạn	3.172.994	3.535.833	-10%
	Dài hạn	3.680.779	3.026.038	22%
2	Nguồn vốn	6.853.773	6.561.871	4%
	Nợ ngắn hạn	2.774.431	2.931.044	-5%
	Nợ dài hạn	735.194	508.084	45%
	Vốn chủ sở hữu	3.344.148	3.122.743	7%

Tổng tài sản năm 2023 đạt 6.854 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ chủ yếu do việc ghi nhận tăng giá trị tài sản là máy móc thiết bị mua sắm và đầu tư trong kỳ cho các dự án (DC và dự án Starlake).

Tổng nguồn vốn tăng 4% so với cùng kỳ chủ yếu do việc tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến từ lợi nhuận trong kỳ.



2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,14	1,21
	Hệ số thanh toán nhanh	1,10	1,11
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,51	0,52
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,05	1,10
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay hàng tồn kho	28,35	16,61
	Vòng quay khoản phải thu	5,55	5,78
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,09	1,20
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Tỷ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần %	5,47%	4,63%
	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ %	21,15%	23,58%
	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu %	12,02%	11,37%
	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản %	5,86%	5,41%

Các chỉ tiêu tài chính duy trì theo hướng tích cực, đảm bảo năng lực tài chính và hiệu quả hoạt động:

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Công ty duy trì các chỉ số thanh toán và tỷ lệ nợ hợp lý, đảm bảo khả năng thanh toán nợ đến hạn. Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh vẫn đảm bảo mặc dù có giảm so với năm trước.
- Chỉ tiêu cơ cấu vốn: các chỉ tiêu nợ trên tổng tài sản giữ nguyên so với cùng kì trong khi nợ trên vốn chủ sở hữu có giảm so với năm trước phản ánh công ty ít lệ thuộc vào vốn vay và tăng tính ổn định về tài chính
- Chỉ tiêu năng lực hoạt động: Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho tăng so với năm trước phản ánh quản lý hàng tồn kho tốt hơn và Công ty đang sử dụng tài sản hiệu quả hơn để tạo ra doanh thu.
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Các chỉ số lợi nhuận sau thuế/trên doanh thu; lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu; lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản tăng so với cùng kỳ do phần đầu tư tăng lên và kéo theo tăng phần chi phí khấu hao tăng theo.

3. Giải trình ý kiến kiểm toán

Trong báo cáo tài chính kiểm toán không có ý kiến ngoại trừ



Phần II – Kế hoạch kinh doanh năm 2024

I. Định hướng chiến lược

1. Mục tiêu vị thế tập đoàn tới năm 2028

- Trở thành tập đoàn số toàn cầu, đẳng cấp quốc tế.
- Hướng tới mục tiêu doanh thu 1 tỷ USD với tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân >20%/năm.
- Quy mô trên 10.000 nhân sự.
- Đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ: AI, Cloud.

2. Mục tiêu chiến lược các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi

Khối Giải pháp công nghệ: Trở thành nhà cung cấp dịch vụ chuyển đổi số hàng đầu tại Việt Nam

- Số hóa TOP 500 doanh nghiệp khu vực công và tư tại VN.
- Định hình thị trường Dịch vụ Quản trị Cloud và SaaS, AI tại Việt Nam và mở rộng thị trường quốc tế
- NCC dịch vụ an ninh mạng hàng đầu
- Kiên trì, sáng tạo thực thi các bigmoves còn lại theo lộ trình

Khối kinh doanh quốc tế: Trở thành nhà cung cấp dịch vụ chuyển đổi số hàng đầu:

- Đặt nền móng ở các thị trường công nghệ thông tin chính: Nhật, Hàn Quốc, APAC, Mỹ, EU
- Xây dựng năng lực tư vấn cung cấp các giải pháp kỹ thuật và tư vấn chuyển đổi số
- Doanh thu DX tăng lên trên 40% DT của toàn bộ CMC Global
- Tập trung vào hướng công nghệ Cloud MSP và Migration; Data & Analysis; BPR và AI

Khối Hạ tầng số

- TOP 1 về Hạ tầng Data Center cho các doanh nghiệp tại Việt Nam và tạo ra vị thế trong khu vực
- TOP 1 Nhà cung cấp Hạ tầng Cloud, Hạ tầng AI cho các doanh nghiệp tại Việt Nam và tạo ra vị thế trong khu vực
- TOP 1 Nhà cung cấp Hạ tầng số toàn diện tại Việt Nam và mở rộng thị trường quốc tế

Khối giáo dục và nghiên cứu

- Tăng trưởng nhanh tuyển sinh nhằm đạt quy mô đào tạo 10.000 sinh viên vào năm 2028 và 15.000 sinh viên vào năm 2033.
- Đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế và gắn với thực tiễn (các ngành công nghệ kỹ thuật theo chuẩn ABET, các ngành kinh doanh quản lý theo chuẩn ACBSP và các ngành khác theo chuẩn AUN-QA). Có từ 15 - 20 ngành cử nhân vào năm 2033.
- Trở thành đại học số – đại học AI kiểu mẫu ở Việt Nam, nằm trong top 5% bảng xếp hạng hàng năm về chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT.

Khối hỗ trợ

- Triển khai văn phòng chuyển đổi số



- Tăng cường tổ chức và quản trị.
- Cải thiện hiệu quả và năng lực của lực lượng bán hàng.
- Xây dựng nguồn nhân lực hiệu quả và động cơ phát triển tay nghề cao

3. Hai mươi sáng kiến chiến lược cho thị trường nội địa và nước ngoài theo tư vấn McKinsey

3.1. Doanh thu phân loại theo Bigmoves đến năm 2028

Đvt: tỷ VND

	Chỉ tiêu	Mục tiêu doanh thu đến năm 2028
1	Khối Công nghệ và Giải pháp MSP Cloud đáng tin cậy; Nhà cung cấp phần mềm độc quyền dựa vào giá trị chọn lọc; Nhà cung cấp dịch vụ an ninh mạng trong lĩnh vực ngành; Nhà cung cấp dịch vụ DX/CX (front-end); Nhà cung cấp hiện đại hóa legacy uy tín; Nhà cung cấp Dữ liệu & Phân tích; Doanh nghiệp hàng đầu về Smart manufacturing/ city; Phân phối HW/SW/ Dịch vụ IT truyền thống; Nhà cung cấp tư vấn & triển khai CIBER tại VN; Mở rộng quốc tế CIBER	9.057
2	Khối Hạ tầng số (Mở rộng kết nối SME thông qua dịch vụ hội tụ; Trở thành công ty hàng đầu Việt Nam về Data Center; Thúc đẩy hoạt động IaaS / PaaS; Bán chéo các dịch vụ Voice, UC, điều phối và CC; Cung cấp dịch vụ kết nối có thể mở rộng cho OTT & HS)	5.420
3	Khối Kinh doanh quốc tế (Nhà thầu uy tín tại Nhật Bản; Nhà thầu uy tín tại Hàn Quốc; Mở rộng sang các thị trường ngoài châu Á, Nhà thầu uy tín tại Singapore; Đối tác đáng tin cậy GDC tại thị trường mục tiêu)	6.042

3.2. Doanh thu phân loại theo khối kinh doanh

Đvt: triệu USD

	Khối kinh doanh	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028
1	Khối Giải pháp Công nghệ	177	158	195	249	298	362	440
2	Khối Kinh doanh quốc tế	64	60	77	102	137	185	259
3	Khối Hạ tầng số	110	119	140	170	204	239	276
4	Khối Giáo dục và Nghiên cứu	-	2	5	10	14	18	25
5	Tổng	351	338	418	530	653	803	999



II. Kế hoạch kinh doanh 2024

1. Tình hình kinh tế vĩ mô 2024

Tên chỉ tiêu	Thực hiện các mục tiêu kinh tế vĩ mô 2023	Kế hoạch kinh tế vĩ mô 2024	Thực hiện các mục tiêu kinh tế vĩ mô lũy kế đến tháng 6/2024
Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) (*)	5,05%	6,0 - 6,5%	6,42%
Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân (*)	3,25%	4,0 - 4,5%	4,08%
Lạm phát (*)	4,16%	5%-6%	2,75%
Lãi suất tái cấp vốn %/năm (**)	4,5%	4,5%	4,5%
Lãi suất huy động (kỳ hạn 12 tháng)	3,5%-5,7%	4,7% (VCB Tháng 1)	3,7%-5,6%
Tỷ giá (USD/VND)	24,420	24,420 (tỷ giá bán VCB 1/1/24)	25,473
Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa (tỷ USD) (*)	355,50	375	190,08 tỷ USD (tăng 14,5% so với cùng kỳ)
Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa (tỷ USD) (*)	327,5	345	178,45 tỷ USD (tăng 17% so với cùng kỳ)
Tăng trưởng tín dụng (***)	13,5%	15%	4,45%
FDI đăng ký	36,6 tỉ USD	36-38 tỉ USD	15,19 tỷ USD (tăng 13,1% so với cùng kỳ)

Điểm tích cực

- Lạm phát giữ được ở mức thấp
- Chỉ số giá tiêu dùng vẫn trong tầm kiểm soát
- Lãi suất tái cấp vốn ổn định ở mức 4,5%/năm
- Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/6/2024, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt khoảng 15,19 tỷ USD, **tăng 13,1% so với cùng kỳ.**

Điểm lưu ý:

- GDP lũy kế Q2/2024 ước tính tăng 6,42% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 6,58% của sáu tháng đầu năm 2022 trong giai đoạn 2020-2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,38%, đóng góp 5,96%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,51%, đóng góp 44,28%; khu vực dịch vụ tăng 6,64%, đóng góp 49,76%.
- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 6/2024 ước đạt **33,09 tỷ USD, tăng 2,6%** so với tháng trước và **tăng 10,5%** so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt **190,08 tỷ USD, tăng 14,5%** so với cùng kỳ năm trước



- Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 6/2024 ước đạt **30,09 tỷ USD, giảm 7,9%** so với tháng trước và **tăng 13,1%** so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt **148,76 tỷ USD, tăng 18,2%** so với cùng kỳ năm trước
- Tăng trưởng tín dụng kỳ vọng cả năm khá cao 15% nhưng Tăng trưởng tín dụng đến hết tháng 6/2024 chỉ đạt **4,45%** so với cuối năm 2023.
- Tỷ giá có xu hướng biến động tăng nhiều hơn.

2. Kế hoạch tài chính 2024 hợp nhất

Năm tài chính 2024, dựa trên dự báo tình hình thị trường và dự báo kinh tế vĩ mô, công ty xây dựng kịch bản kế hoạch tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận trước thuế ở mức 21% và 6%.

2.1. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2024

Đvt: triệu VND

	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Tăng trưởng
1	Doanh thu thuần	9.717.611	8.059.187	21%
	<i>Trong đó: Doanh thu thuần hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)</i>	<i>8.824.372</i>	<i>7.341.773</i>	<i>20%</i>
2	Lợi nhuận trước Lãi vay, Thuế và Khấu hao phân bổ (EBITDA)	1.095.364	962.766	14%
3	Lợi nhuận trước thuế	582.377	548.287	6%
	<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)</i>	<i>481.019</i>	<i>461.188</i>	<i>4%</i>
4	Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất	405.112	401.878	1%

Trong năm tài chính 2023, Tập đoàn đã thoái vốn tại công ty Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC (CMS). Nếu loại trừ số liệu tài chính của CMS khỏi số liệu năm 2023 thì doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn năm 2024 tăng trưởng so với năm 2023 lần lượt là 24% và 7%. (Số liệu cộng ngang kết quả kinh doanh các đơn vị thành viên, trước loại trừ hợp nhất đơn vị liên kết và nội bộ)

2.2. Doanh thu lợi nhuận các khối năm 2024

Đvt: triệu VND

	Khối	Kế hoạch doanh thu			Kế hoạch lợi nhuận		
		KH 2024	TH 2023	Tăng trưởng	KH 2024	TH 2023	Tăng trưởng
1	Khối Công nghệ & Giải pháp	4.159.494	3.357.045	24%	89.289	59.399	50%
2	Khối Kinh doanh quốc tế	1.683.868	1.269.793	33%	184.246	187.006	-1%
3	Khối Hạ tầng số	3.544.277	2.956.021	20%	390.170	339.426	15%
4	Khối Nghiên cứu & Giáo dục	74.080	35.080	111%	(76.656)	(45.532)	-68%
5	Khối kinh doanh khác	255.892	441.248	-42%	(4.672)	7.988	-158%
	Tổng	9.717.611	8.059.187	21%	582.377	548.287	6%
	Kết quả hợp nhất (*)	8.824.372	7.341.773	20%	481.019	461.188	4%

(*) Với Kế hoạch doanh thu: Là Doanh thu thuần hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ); với kế hoạch lợi nhuận Là Lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)



3. Kế hoạch đầu tư

Đvt: triệu VND

	Khối	KH 2024	TH 2023	Tăng trưởng
1	Khối Công nghệ & Giải pháp	24.688	2.891	754%
2	Khối Kinh doanh quốc tế	122.437	23.718	416%
3	Khối Hạ tầng số	653.631	333.468	96%
4	Khối Nghiên cứu & Giáo dục	70.050	38.450	82%
5	Khối kinh doanh khác	846.945	624.174	36%
	Tổng	1.717.752	1.022.701	68%

- ❖ **Khối Công nghệ & Giải pháp:** Các dự án đầu tư vào sản phẩm công nghệ, không gian làm việc cho nhân viên.
- ❖ **Khối Kinh doanh quốc tế:** Dự án đầu tư phát triển năng lực DXC; Tăng vốn đầu tư vào các thị trường trọng điểm CMC APAC, CMC JP, CMC US.
- ❖ **Khối Hạ tầng số:** Dự án đầu tư Công nghệ: MobiCloud (CMC Telecom); Đầu tư vào các trung tâm dữ liệu và đầu tư phát triển mạng theo nhu cầu kinh doanh của khách hàng.
- ❖ **Khối Nghiên cứu & Giáo dục:** Đầu tư chuyển đổi số cho CMC Uni, mở thêm ngành đào tạo, xây dựng hệ thống bài giảng điện tử và quản lý trực tuyến.
- ❖ **Khối Kinh doanh khác:** Các dự án dự kiến thực hiện năm 2024: dự án Hòa Lạc, Starlake, hoàn thiện dự án CCS Tân Thuận

4. Kế hoạch nhân sự

Đvt: người

	Khối	KH 2024	TH 2023	Tăng trưởng
1	Khối Công nghệ & Giải pháp	1.012	797	27%
2	Khối Kinh doanh quốc tế	3.062	2.215	38%
3	Khối Hạ tầng số	1.523	1.372	11%
4	Khối Nghiên cứu & Giáo dục	241	157	54%
5	Khối kinh doanh khác	161	113	42%
	Tổng	5.999	4.654	29%

Trên đây là báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch 2024, kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua.



Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2024

TM. Ban Điều hành

Chủ tịch HĐQT/ Chủ tịch điều hành



Nguyễn Trung Chính

